

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2025/HC-PT

Ngày 30/5/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đinh Phước Hòa**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Nam**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 28/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 149/2024/HC-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1821/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông **Nguyễn Văn Á**, sinh năm 1966; địa chỉ: **Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Duy T**, sinh năm 1984; địa chỉ: **Số A T, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị N** - Phó Chủ tịch Ủy

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Bùi Trọng N1** - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường **huyện T**.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Thùy Thị L**, sinh năm 1929;

2. Bà **Trần Thị N2**, sinh năm 1965;

3. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1995;
 4. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1991;
 5. Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1998;
- Cùng địa chỉ: **Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.
6. Bà **Nguyễn Thị Tường V1**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.
 7. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.
 8. Ủy ban nhân dân xã **B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tấn D** - Công chức Địa chính - Xây dựng xã **B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.
- Người kháng cáo ông **Nguyễn Văn Á**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông **Nguyễn Văn Á** có khai hoang một mảnh đất để nuôi tôm từ năm 1996 tại **thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**. Gia đình ông **Á** đã đăng ký hồ sơ địa chính Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai vùng **Đ huyện T** do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** phê duyệt ngày 28/6/2017, vị trí diện tích đất hiện tại là thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích đăng ký khoảng 3872,6m², diện tích thực tế sử dụng khoảng 877,2m² và thửa đất số 48 tờ bản đồ số 27, diện tích đăng ký 4472,1m², diện tích thực tế sử dụng khoảng 4960,2m².

Đến năm 2008, ông **Á** đăng ký hộ kinh doanh cá thể, ngành nghề kinh doanh: Nuôi trồng thủy sản theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 33H8001210 do Ủy ban nhân dân (UBND) **huyện T** cấp ngày 18/3/2008. Nội dung ông **Á** khai hoang và sử dụng đất từ năm 1996 được ông **Nguyễn Tấn K**, địa chính xã **B** và **UBND xã B** xác nhận ngày 12/3/2010. Từ năm 1996 đến nay ông **Á** sử dụng đất ổn định, liên tục và đúng mục đích nuôi trồng thủy sản theo giấy phép đăng ký hộ kinh doanh cá thể nêu trên. Đến tháng 11 năm 2023, ông **Á** nhiều lần khiếu nại vì **UBND huyện T** thực hiện dự án xây dựng “**Cầu B đi B**” (**cầu T**), thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, dự kiến diện tích bị thu hồi khoảng 877,2m² và thửa 48, tờ bản đồ số 27, dự kiến diện tích bị thu hồi khoảng 2002,8m², mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản; địa chỉ thửa đất: **thôn T, xã B, huyện T** thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông **Á**.

Ngày 28/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện **T** có Văn bản số 275/UBND-TNMT phúc đáp đơn khiếu nại của ông **Á** với nội dung: Trên cơ sở nguồn gốc đất do **Hội đồng tư vấn đất đai xã B** xác định, ngày 31/8/2023 **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T** ban hành Công văn số 494/TNMT-ĐĐ thông tin đến **UBND xã B** và tổ chức làm nhiệm vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng được biết đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích bị thu hồi khoảng 887,2m² và thửa 48, tờ bản đồ số 27, diện tích bị thu hồi khoảng 2002,8m² của ông **Nguyễn Văn Á** là không đủ điều kiện bồi thường về đất khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B (Cầu T)**, tại xã **B, huyện**

T, tỉnh Quảng Nam. Xét thấy, việc khai hoang sử dụng đất để nuôi tôm của gia đình ông **Á** từ trước ngày 01/7/2004 đến nay là ổn định, lâu dài và liên tục. Gia đình ông **Á** đã thực hiện đăng ký kê khai đất đai theo hồ sơ địa chính Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai vùng **Đ huyện T** do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** phê duyệt ngày 28/6/2017 đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và thửa đất số 48 tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản; địa chỉ thửa đất: **thôn T, xã B, huyện T** là đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng, vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Do đó, ông **Nguyễn Văn Á** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 494/TNMT-ĐĐ ngày 31/8/2023 của **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T** về việc xác nhận những trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất đối với dự án: Đầu tư xây dựng **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

- Hủy Công văn số 275/UBND- TNMT ngày 28/12/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện T** về việc trả lời nội dung kiến nghị, phản ánh của công dân.

- Buộc **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi khi thu hồi đất đối với diện tích **877,2m²** tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và diện tích **2002,8m²** tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, loại đất nuôi trồng thủy sản theo ranh giới giải phóng mặt bằng, tại **thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** cho hộ ông **Nguyễn Văn Á** theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 29/7/2024, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu:

- Hủy Công văn số 494/TNMT-ĐĐ ngày 31/8/2023 của **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T** về việc xác nhận những trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất đối với dự án: Đầu tư xây dựng **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

Và thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu:

- Buộc **Ủy ban nhân dân huyện T** thực hiện các thủ tục và ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho hộ ông **Nguyễn Văn Á** đối với diện tích đất thu hồi **949,6m²** thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, loại đất nuôi trồng thủy sản và diện tích thu hồi **2.018,9m²**, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, loại đất nuôi trồng thủy sản, địa chỉ thửa đất tại **thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Quảng Nam về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T**.

- Hủy Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của **Ủy ban nhân dân huyện T** về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T**.

Theo Công văn số 1298/UBND-TNMT ngày 11/6/2024 và Công văn số 2075/UBND-TNMT ngày 29/8/2024, Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Á như sau:

Ông Nguyễn Văn Á gửi Đơn kiến nghị, phản ánh việc hiện nay UBND huyện T thu hồi đất thực hiện dự án Cầu B đi B (Cầu T) thì thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích bị thu hồi khoảng 877,2m² và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, diện tích bị thu hồi khoảng 2002,8m². Nhưng đến nay Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Nam và UBND xã B không giao thông báo thu hồi đất đối với diện tích bị thu hồi cho ông và thông báo cho ông không được tiếp tục nuôi tôm trên diện tích 2880m² tại 02 thửa đất nêu trên thuộc sở hữu của ông mà đơn vị thi công phóng tuyến để làm đường với lý do: đất do UBND xã B quản lý nên không được bồi thường (theo Công văn số 494/TNMT-ĐĐ ngày 31/8/2023 của Phòng T) và không thông báo thu hồi đất. Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích 4692m² và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, diện tích 4960,2m², địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã B là do gia đình ông khai hoang sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản ổn định từ năm 1996 đến nay.

- Về triển khai thực hiện dự án:

Ngày 29/12/2021, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3878/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu B đi B (Cầu T).

Ngày 30/11/2022, UBND huyện T ban hành Thông báo số 752/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu B đi B (Cầu T), tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam có thông tin cụ thể như sau:

+ Thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn Á, trú tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Diện tích dự kiến thu hồi khoảng 2002,8m² tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 01 (theo Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 01-2022, tỷ lệ 1/2000, thuộc dự án Cầu B đi B (Cầu T), tại xã B, được Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Q duyệt ngày 29/9/2022); thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 (cơ sở dữ liệu). Loại đất đang sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; địa chỉ thửa đất tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 30/11/2022, UBND huyện T ban hành Thông báo số 792/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu B đi B (Cầu T), tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam có thông tin cụ thể như sau:

+ Thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn Á trú tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Diện tích dự kiến thu hồi khoảng 2002,8m², tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 01 (theo Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 01-2022, tỷ lệ 1/2000, thuộc dự án Cầu B đi B (Cầu T), tại xã B, được Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Q duyệt ngày 29/9/2022); thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 (cơ sở dữ liệu). Loại đất đang sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 02/12/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Q là đơn vị làm nhiệm vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng bàn giao Thông báo số 752 và 792/TB-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện T về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu B đi B (Cầu T) đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích dự kiến bị thu hồi khoảng 877,2m² và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, diện tích dự kiến thu hồi khoảng 2002,8m²

cho ông **Nguyễn Văn Á** (theo danh sách do tổ chức làm nhiệm vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp thể hiện ông **Nguyễn Văn Á** đã ký nhận).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 quy định: Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Thông báo thu hồi đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Chủ đầu tư, các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thông báo thu hồi đất đến hộ gia đình, cá nhân. Ngày 02/12/2022, tổ chức làm nhiệm vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng bàn giao Thông báo số 752, 792/TB-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B (Cầu T)** đối với thửa đất số 40 và 48, tờ bản đồ số 27 cho ông **Nguyễn Văn Á** là đúng quy định.

Do đó, nội dung kiến nghị, phản ánh của ông **Nguyễn Văn Á** là hiện nay **UBND huyện T** không giao thông báo thu hồi đất đối với diện tích bị ảnh hưởng thực hiện dự án **Cầu B đi B (Cầu T)** tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích khoảng 877,2m² và thửa đất số 48, tờ bản đồ 27, diện tích khoảng 2002,8m² là không đúng.

- Về xác nhận tình trạng pháp lý về đất:

Ngày 04/7/2023, **Hội đồng tư vấn đất đai xã B** được thành lập tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của **UBND xã B** đã tiến hành tổ chức họp xác nhận tình trạng pháp lý của diện tích thửa đất bị thu hồi, cụ thể: nguồn gốc, thời điểm, quá trình, mục đích sử dụng đất, nguyên nhân biến động tăng, giảm diện tích đất; tình trạng tranh chấp, sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt đối với trường hợp của ông **Nguyễn Văn Á** để thực hiện dự án **Cầu B đi B (Cầu T)**, có nguồn gốc như sau:

+ Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 (cơ sở dữ liệu), diện tích 4692m² (diện tích dự kiến thu hồi khoảng 877,2m²), mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; địa chỉ thửa đất tại **thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** có nguồn gốc: do ông **Nguyễn S** chiếm đất **sông T** từ năm 1997 để đắp ao nuôi tôm, diện tích 2000m², đến năm 1999 chuyển nhượng lại cho ông **Nguyễn Văn Á** (không có giấy tờ) sử dụng để nuôi tôm, đến năm 2001 ông **Nguyễn Văn Á** lấn thêm đất **sông T** diện tích 2692m² để sử dụng nuôi tôm cho đến nay, không có tranh chấp.

+ Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 (cơ sở dữ liệu), diện tích 4960,2m² (diện tích dự kiến thu hồi khoảng 2002,8m²), mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản; địa chỉ thửa đất tại **thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** có nguồn gốc: do ông **Nguyễn N3 (xã B)** chiếm đất **sông T** từ năm 1997 để đắp ao nuôi tôm, đến năm 2002 chuyển nhượng lại cho ông **Nguyễn Văn Á** (không có giấy tờ) sử dụng để nuôi tôm cho đến nay, không có tranh chấp.

Trên cơ sở nguồn gốc đất do **Hội đồng tư vấn đất đai xã B** xác định, ngày 31/8/2023, **Phòng T** ban hành Công văn số 494/TNMT-ĐĐ về việc xác nhận trường hợp ông **Nguyễn Văn Á** là không đủ điều kiện bồi thường về đất đối với dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B (Cầu T)**, tại **xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**. Đồng thời, thông tin đến **UBND xã B** và tổ chức làm nhiệm vụ

thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng được biết để thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định tại Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp sử dụng đất tại 02 thửa đất số 40 và 48 tờ bản đồ số 27 của ông **Nguyễn Văn Á** là không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Theo nguồn gốc đất do Hội đồng tư vấn đất đai **xã B** xác định thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 là chiếm đất **sông T** để nuôi tôm. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất.

UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Theo quy định tại Điều 9 đối với những trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất thực hiện theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai. Ngày 31/8/2023, **Phòng T** huyện ban hành Công văn số 494/TNMT-ĐĐ thông tin đến **UBND xã B** và tổ chức làm nhiệm vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng được biết đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích bị thu hồi khoảng 877,2m² và thửa đất số 48, tờ bản đồ 27, diện tích bị thu hồi khoảng 2002,8m² của ông **Nguyễn Văn Á** là không đủ điều kiện bồi thường về đất khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B (Cầu T), tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** là đúng quy định.

Đồng thời, đề nghị **UBND huyện T** ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 về việc thu hồi diện tích 877,2m² đất nuôi trồng thủy sản không đủ điều kiện bồi thường bị ảnh hưởng dự án do hộ ông **Nguyễn Văn Á** đang sử dụng tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 về việc thu hồi diện tích 2002,8m² đất nuôi trồng thủy sản không đủ điều kiện bồi thường bị ảnh hưởng dự án do hộ ông **Nguyễn Văn Á** đang sử dụng tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng **Cầu B đi B (Cầu T), tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

Do đó, ông **Nguyễn Văn Á** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Công văn số 494/TNMT-ĐĐ ngày 31/8/2023 của **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T** về việc xác nhận những trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất đối với dự án: Đầu tư xây dựng **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**; Hủy Công văn số 275/UBND- TNMT ngày 28/12/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện T** về việc trả lời nội dung kiến nghị, phản ánh của công dân; Hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND và Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của **UBND huyện T** về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng **Cầu B đi B (Cầu T), tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**; Buộc **UBND huyện T** ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích 949,6m² và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, diện tích 2018,9m², mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** theo đúng quy định pháp luật là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:

Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn Á**, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 149/2024/HC-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn Á** về yêu cầu: Hủy Công văn số 494/TNMT-ĐĐ ngày 31/8/2023 của **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T** về việc xác nhận những trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất đối với dự án: Đầu tư xây dựng **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**.

[2] Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 76 và Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử;

[2.1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn Á** về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Quảng Nam về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T**.

- Hủy Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của **Ủy ban nhân dân huyện T** về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T**.

- Hủy Công văn số 275/UBND- TNMT ngày 28/12/2023 của **Ủy ban nhân dân huyện T** về việc trả lời nội dung kiến nghị, phản ánh của công dân.

- Buộc **Ủy ban nhân dân huyện T**, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi khi thu hồi đất đối với diện tích 949,6m² tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và diện tích 2018,9m² tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, loại đất nuôi trồng thủy sản theo ranh giới giải phóng mặt bằng, tại **thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** cho hộ ông **Nguyễn Văn Á** theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2024 người khởi kiện ông **Nguyễn Văn Á** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Bùi Thị L1** đều có đơn kháng cáo, với nội dung: cho rằng bản án sơ thẩm giải quyết vụ án không đúng pháp luật nên đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử theo đúng pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người khởi kiện là ông **Nguyễn Văn Á**; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Bùi Thị L1** đều cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ như triệu tập thiếu người tham gia tố tụng, lấy ý kiến khu dân cư không đúng, hồ sơ thu hồi đất có dấu hiệu giả mạo, biên bản kiểm kê không có nội dung tài sản trên đất của ông

A. Ngoài ra, không xem xét đánh giá hết các tài liệu do đó dẫn tới việc giải quyết vụ án không đúng pháp luật nên đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 17/01/2024, ông **Nguyễn Văn Á** khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam; hủy Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T. Hủy Công văn số 275/UBND-TNMT ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc trả lời nội dung kiến nghị, phản ánh của công dân. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi khi thu hồi đất đối với diện tích 949,6m² tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và diện tích 2018,9m² tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, loại đất nuôi trồng thủy sản theo ranh giới giải phóng mặt bằng, tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông **Nguyễn Văn Á** theo đúng quy định của pháp luật. Các văn bản và quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.3]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về hành vi hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện người khởi kiện ông **Nguyễn Văn Á** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Bùi Thị L1**.

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn Á** thì thấy:

Ngày 29/12/2021, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3878/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu B đi B (Cầu T).

Ngày 30/11/2022, UBND huyện T ban hành Thông báo số 752/QĐ-UBND và Thông báo số 792/QĐ-UBND về việc thông báo thu hồi diện tích 877,2m² thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và diện tích 2.002,8m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, loại đất nuôi trồng thủy sản không đủ điều kiện bồi thường của hộ ông Nguyễn Văn Á đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu B đi B (Cầu T).

Ông Nguyễn Văn Á đã có đơn kiến nghị, phản ánh về việc UBND huyện T không giao thông báo thu hồi đất, không bồi thường khi thu hồi đất đối với diện tích đất ông đang quản lý sử dụng tại thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27; ngày 28/12/2023, UBND huyện T có Công văn số 275/UBND-TNMT xác định: Trường hợp sử dụng đất tại thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 của hộ ông Nguyễn Văn Á là không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Theo nguồn gốc đất do Hội đồng tư vấn đất đai xã B xác định thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 là chiếm đất sông T để nuôi tôm. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất. Đối với Thông báo thu hồi đất số 752, 792/TB-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện T đã được tổ chức làm nhiệm vụ thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng giao cho ông Á ngày 02/12/2022.

Đền ngày 08/7/2024, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1453 và 1454/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 877,2m² thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và diện tích đất 2002,8m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 tại thôn T, xã B, huyện T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu B đi B (Cầu T) tại xã B, huyện T.

[2.2] Về nguồn gốc thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27: Tại Biên bản xác minh ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tại UBND xã B và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ông Nguyễn Văn Á không kê khai, đăng ký theo hồ sơ 64/CP, mà thể hiện tại vị trí ông Nguyễn Văn Á khiếu kiện thuộc ngoài bờ đê Sông Trường G. Theo bản đồ Cơ sở dữ liệu, vị trí 2 thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 ông Nguyễn Văn Á sử dụng thuộc Sông T.

Theo kết quả đo đạc thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ngày 24/6/2024, tại Mảnh trích đo chính lý bản đồ địa chính số 01-2024 do Văn phòng Đ ký duyệt ngày 23/7/2024 thể hiện: diện tích thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 có 949,6m² nằm trong vệt thu hồi đất làm đường giao thông; thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, có diện tích 2018,9m² nằm trong vệt thu hồi đất làm đường giao thông.

[2.3] Tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 29/6/2023 của UBND xã B (BL 55, 57) thể hiện: thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn S chiếm đất sông T để đắp ao nuôi tôm, diện tích khoảng 2000m², đến năm 1999 ông S chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Á (không có giấy tờ), ông Á tiếp tục nuôi tôm đến năm 2001 ông Nguyễn Văn Á mở rộng thêm 2692m², mục đích để nuôi tôm từ đó đến nay, không có tranh chấp. Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 của hộ ông Nguyễn Văn Á, diện tích 4960,2m² do ông Nguyễn N3 (xã B) chiếm đất sông từ năm 1997 để

nuôi tôm, đến khoảng năm 2002 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Á, ông Nguyễn Văn Á sử dụng từ đó đến nay không có tranh chấp.

Tại Trích sao Biên bản họp Hội đồng tư vấn đất đai xã B ngày 10/7/2023 thể hiện (BL 52, 53):

Đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích 4692m² theo hồ sơ đo đạc bồi thường dự án cầu B đi B do hộ ông Nguyễn Văn Á sử dụng nuôi tôm. Nguồn gốc sử dụng thửa đất do ông Nguyễn S (trú tại xã B) chiếm đất sông từ khoảng năm 1997 để đắp ao nuôi tôm khoảng 2000m². Năm 1999 ông S chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Á (không có giấy tờ), ông Nguyễn Văn Á tiếp tục nuôi tôm và đến năm 2001 ông Á có mở rộng thêm khoảng 2692m² mục đích để nuôi tôm, sử dụng từ đó đến nay, không có tranh chấp (đất sông T).

Đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, diện tích 4960,2m² do hộ ông Nguyễn Văn Á sử dụng để nuôi tôm. Nguồn gốc do ông Nguyễn N3 (trú tại xã B) chiếm đất sông từ khoảng năm 1997 để đắp ao nuôi tôm, đến khoảng năm 2002 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Á (không có giấy tờ), ông Á tiếp tục sử dụng để nuôi tôm từ đó đến nay, không có tranh chấp (đất sông T).

Như vậy, căn cứ xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã B và hồ sơ địa chính tại thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 tại xã B, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định, ông Nguyễn Văn Á chiếm đất sông T để đắp ao nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) với diện tích 4960,2m² thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 và diện tích 4692m² thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 tại thôn T, xã B từ năm 1997 cho đến nay.

Tại điểm i khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

Điều 10. Phân loại đất

Căn cứ vào mục đích sử dụng, đất đai được phân loại như sau:

...

2. Nhóm đất phi nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:

...

i) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng;”

Do đó, trường hợp ông Nguyễn Văn Á không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 và 101 Luật Đất đai năm 2013.

Và khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 82. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất

Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

...

4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.”

Như vậy, căn cứ vào các quy định trên thì đất sông được xác định là đất phi nông nghiệp, mặc dù được người sử dụng đất sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Do đó, trường hợp này không đủ điều kiện để được cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, hộ ông **Nguyễn Văn Á** thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất.

[2.4] Theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** đối với những trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất thực hiện theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai. Trên cơ sở nguồn gốc đất do Hội đồng từ vấn đất đai **xã B** xác định, ngày 31/8/2023, **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T** ban hành Công văn số 494/TNMT-ĐĐ thông tin đến **UBND xã B** và tổ chức làm nhiệm vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27, diện tích bị thu hồi khoảng 877,2m² và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27, diện tích bị thu hồi khoảng 2002,8m² của ông **Nguyễn Văn Á** là không đủ điều kiện bồi thường về đất khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình **Cầu B đi B**. Đồng thời, **UBND huyện T** ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 về việc thu hồi diện tích 877,2m² đất nuôi trồng thủy sản không đủ điều kiện bồi thường bị ảnh hưởng dự án do hộ ông **Nguyễn Văn Á** đang sử dụng tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 27 và Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 về việc thu hồi diện tích 2002,8m² đất nuôi trồng thủy sản không đủ điều kiện bồi thường bị ảnh hưởng dự án do hộ ông **Nguyễn Văn Á** đang sử dụng tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 27 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng **Cầu B đi B (Cầu T), tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** là đúng quy định pháp luật.

Đối với, Thông báo thu hồi đất số 752 và số 792/TB-UBND ngày 30/11/2022 của **UBND huyện T** đã được tổ chức làm nhiệm vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng giao cho ông **Nguyễn Văn Á** vào ngày 02/12/2022, thể hiện tại Danh sách các hộ ký nhận hồ sơ Dự án **cầu T**, ông **Á** đã ký nhận (BL 60).

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông **Nguyễn Văn Á** là có căn cứ.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, Người khởi kiện ông **Nguyễn Văn Á**; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Bùi Thị L1** kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[8] Do Người khởi kiện là ông **Nguyễn Văn Á**; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Bùi Thị L1** đều bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, người khởi kiện bà **Bùi Thị L1** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn Văn Á**, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Bùi Thị L1**. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 149/2024/HC-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông **Nguyễn Văn Á** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000264 ngày 12/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho bà **Bùi Thị L1**.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Thái